

Bản án số: 229/2024/DS-ST

Ngày: 05-9-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thùy Dương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Phùng;

Ông Lý Anh Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Nguyễn Huyền My – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 143/2024/TLST-DS ngày 23/4/2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 229/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**; Trụ sở: Lầu 8, số B - B N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Tổng Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH MTV Q** lú nợ và khai thác tài sản **Ngân hàng S** (Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của **Ngân hàng TMCP S**); Ủy quyền lại cho ông **Phan A** (Theo Giấy ủy quyền số 4626/2024/UQ-TGĐ ngày 17/6/2024 của **Công ty TNHH MTV Q1** và khai thác tài sản **Ngân hàng S**) (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh **Vũ D1**, sinh năm 1989; HKTT: Số A ngách I L, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng TMCP S** trình bày:**

Ngày 22/8/2022, anh **Vũ D1** đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với **Ngân hàng TMCP S**. Căn cứ thu nhập của anh **D1**, **Ngân hàng TMCP S** đã cấp thẻ tín dụng số 211251-0375 và 436438-9584 với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cho anh **D1**. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, anh **D1** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là

250.020.195 đồng; anh **D1** đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 63.050.000 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, anh **D1** vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh **D1** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, **Ngân hàng TMCP S** đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ từ ngày 06/3/2023 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 24/7/2024, anh **D1** còn nợ **Ngân hàng TMCP S** tổng số tiền: 338.802.120 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: **213.963.000** đồng
- Nợ lãi quá hạn: **124.839.120** đồng

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ngân hàng, **Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết:**

1. Buộc anh **Vũ D1** phải trả cho **Ngân hàng TMCP S** tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/7/2024 là: 338.802.120 đồng.

2. Anh **Vũ D1** có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn là anh **Vũ D1**, Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **D1** không đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự nên Tòa án không thể lấy được lời khai của anh **D1** cũng như tiến hành hòa giải để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện:

1. Buộc anh **Vũ D1** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S** tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2024 là: 283.024.413 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: **213.963.000** đồng
- Nợ lãi quá hạn: **134.913.555** đồng

2. Buộc anh **D1** phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- Các đương sự khác vắng mặt; HĐXX công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

*** Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Quá trình Tòa án tiến thụ lý vụ án cho đến khi đưa quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:** Căn cứ Điều 116, 117, 118, 119, 280, 281, 385, 398, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 21, 26, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của **Ngân hàng TMCP S** đối với anh **Vũ D1**. Buộc anh **Vũ D1** thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và

lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2024 là 283.024.413 đồng; trong đó: nợ gốc: 213.963.000 đồng; nợ lãi: 134.913.555 đồng. Anh Dũng tiếp tục phải trả lãi kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ; Án phí: Anh Dũng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp xuất phát từ hợp đồng dân sự về việc yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa một bên là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, xác định vụ án dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Thẩm quyền: Anh **Vũ D1** có hộ khẩu thường trú tại **Số A ngách I L, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội**. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền.

- Thủ tục: Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của anh **Vũ D1** tại **Công an phường K** và được biết: anh **D1** có hộ khẩu thường trú tại **Số A ngách I L, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội** và không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Việc anh **D1** chuyển đi nơi khác không thông báo lại cho nguyên đơn và nguyên đơn cũng không biết được địa chỉ mới của anh **D1**. Khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới.” Trong trường hợp này, anh **D1** đã không thông báo địa chỉ mới của mình cho **Ngân hàng TMCP S**. Do đó, đây được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đến nay Tòa án vẫn không nhận được bất kỳ thông tin nào của anh **D1**, anh **D1** không có phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và cũng không đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, căn cứ theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **Vũ D1**.

[2] Về nội dung:

2.1. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, xác định **Ngân hàng TMCP S** và anh **Vũ D1** đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/8/2022. Sau khi ký hợp đồng, **Ngân hàng TMCP S** đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho anh **D1**, với hạn mức tín dụng được phê duyệt là 200.000.000 đồng.

Xét thấy: Việc ký hợp đồng tín dụng giữa **Ngân hàng TMCP S** và anh **Vũ D1** trên cơ sở tự nguyện; Hình thức, nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 118, 119, Điều 385, 398, 463 Bộ luật dân sự 2015; do đó, các thoả thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực, các bên có quyền, nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng.

Tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng quy định như sau: “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán”; “khi sự kiện vi phạm xảy ra chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng tòa án nhân dân phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ....”

Căn cứ theo thoả thuận trên thì nếu anh **D1** vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền tối thiểu cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo thì sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng, ngân hàng có quyền chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh **D1** và tiến hành thu hồi toàn bộ khoản nợ. Theo phần trình bày của **ngân hàng TMCP S** và theo bản tóm tắt sao kê của ngân hàng, ngày chốt nợ thanh toán là ngày 05 hàng tháng (đối với thẻ 436438-7643) và ngày 25 hàng tháng (đối với thẻ 211251-0375). Đối với thẻ 436438-7643, tại kỳ thanh toán tháng 12/2022, dư nợ cuối kỳ của anh **D1** là 121.326.640 đồng, anh **D1** phải thanh toán số tiền tối thiểu cho đến kỳ thanh toán tháng 01/2023. Tuy nhiên, đến hết ngày 05/01/2023, anh **D1** vẫn không thanh toán số tiền tối thiểu của dư nợ cuối kỳ tháng 12/2022, nên anh **D1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng kể từ ngày 06/01/2023. Khi anh **D1** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngân hàng không chấm dứt quyền sử dụng thẻ ngay, anh **D1** vẫn tiếp tục thực hiện các giao dịch thanh toán nhưng không thanh toán khoản nợ cuối kỳ. Đến ngày 06/3/2023, do anh **D1** không thanh toán dư nợ nên ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh **D1** và chuyển toàn bộ khoản nợ sang nợ quá hạn.

Theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng quy định: “Nếu chủ thẻ có nhiều hơn một tài khoản với đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác...” nên ngân hàng cũng đồng thời chấm dứt quyền sử dụng thẻ 211251-0375 của anh **D1**.

Từ những phân tích trên, xác định việc **Ngân hàng TMCP S** chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh **D1** là theo đúng quy định của hợp đồng đã ký giữa các bên.

2.2. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng:

Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/8/2022, **Ngân hàng TMCP S** đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho anh **Vũ D1**, với hạn mức tín dụng được phê duyệt là 200.000.000 đồng. Kể từ ngày kích hoạt thẻ, anh **D1** đã thực hiện các giao dịch với với tổng số tiền là 250.020.195 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận **Ngân hàng TMCP S** đã giải ngân cho anh **D1** số tiền 250.020.195 đồng; anh **D1** đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 63.050.000 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Anh **D1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP S** nên từ ngày 06/3/2023, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh **D1** và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Theo bản tóm tắt sao kê, tính đến ngày 05/9/2024, anh **D1** còn nợ **Ngân hàng TMCP S** số tiền nợ gốc **213.963.000** đồng. Do đó, căn cứ Điều 280, 281, 466 Bộ luật Dân sự 2015 buộc anh **Vũ D1** phải trả **Ngân hàng TMCP S** số tiền nợ gốc trên.

2.3. Xét yêu cầu thanh toán nợ lãi, phí theo Hợp đồng tín dụng:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký giữa **Ngân hàng TMCP S** và anh **Vũ D1** và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP S**, các bên có thỏa thuận:

- Lãi suất trong hạn: Theo mức lãi suất được công bố tại từng thời kỳ.
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Hội đồng xét xử nhận định: Thỏa thuận về mức phí, lãi suất **Ngân hàng TMCP S** áp dụng đối với ông **V** tại Hợp đồng là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên; phù hợp với các Quyết định về việc ban hành biểu phí dịch vụ thẻ, Thông báo thay đổi lãi suất thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP S**; Điều 357, 418, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên được chấp nhận.

Về thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán, HĐXX nhận thấy: Như đã phân tích ở trên, anh **D1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng kể từ ngày 06/01/2023. Việc **Ngân hàng TMCP S** không chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của anh **D1** ngay là sự tự nguyện của nguyên đơn và thực tế anh **D1** vẫn tiếp tục thực hiện các giao dịch thanh toán cho đến hết kỳ thanh toán tháng 3/2023 nên xác định ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 06/3/2023. Số tiền lãi quá hạn anh **D1** phải trả **Ngân hàng TMCP S** là: 134.913.555 đồng. Căn cứ Điều 280, 357 Bộ luật Dân sự 2015, buộc anh **Vũ D1** phải trả **Ngân hàng TMCP S** số tiền lãi nêu trên.

[3]. Về án phí: Do các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 281, Điều 357, Điều 385, Điều 398, Điều 418, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.
- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** đối với anh **Vũ D1** về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/8/2022 đối với khoản tiền gốc, tiền lãi.

2. Xác nhận tính đến ngày 05/9/2024, anh **Vũ D1** còn nợ **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** số tiền gốc **213.963.000** đồng (Hai trăm mười ba triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng); nợ lãi quá hạn: 134.913.555 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm mười ba nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng). Tổng cộng số tiền là 348.876.555 đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng).

Buộc anh **Vũ D1** phải trả **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** tổng số tiền 348.876.555 đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng).

3. Buộc anh **Vũ D1** tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 06/9/2024 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

* **Án phí:** Anh **Vũ D1** phải chịu 17.443.827 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** số tiền tạm ứng án phí 7.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0064338 ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Anh **Vũ D1** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự.
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thùy Dương